

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiến sát đến ngưỡng 1,300 điểm với sự hưng phấn tích cực trong phiên sáng, tuy nhiên áp lực bán lại tiếp tục xuất hiện trong phiên chiều đã khiến chỉ số giảm dần đà tăng và đóng cửa tại mốc 1,290.67 điểm – tăng 3.09 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hàng và dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Truyền thông. Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm, Thực phẩm và đồ uống, Xây dựng và vật liệu giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay tiếp tục là phiên bán ròng mạnh trên cả 2 sàn HSX, HNX. Thị trường tiếp tục trong xu hướng giằng co với thanh khoản ở mức trung bình, nhiều khả năng VN-Index sẽ tiến đến kiểm định ngưỡng 1,300 điểm trong tuần này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.09** điểm, đóng cửa tại **1290.67** điểm. HNX-Index **+0.59** điểm, đóng cửa tại **245.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.21)**, **CTG (+0.94)**, **FPT (+0.63)**, **MWG (+0.33)**, **GMD (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.67)**, **BCM (-0.32)**, **VNM (-0.30)**, **ACB (-0.22)**, **LGC (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,418** tỷ đồng, tăng **26.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21,578** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.95 điểm. Thị trường có **243** mã tăng, **64** mã tham chiếu, **193** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1104.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-172.00 tỷ)**, **HPG (-118.25 tỷ)**, **VNM (-100.06 tỷ)**, **VCB (-92.60 tỷ)**, **SSI (-83.68 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-162.49** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.35%**. Các mã diễn biến tích cực: **GMD (+4.20%)**, **VHC (+2.98%)**, **CTG (+2.13%)**.
- BSC50 **+0.88%**. Các mã diễn biến tích cực: **HAH (+6.89%)**, **PVT (+5.56%)**, **VSC (+4.41%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.35%	0.88%	0.24%	0.23%
1 tuần	0.20%	-0.01%	0.59%	0.79%
1 tháng	1.70%	2.48%	0.97%	1.00%
3 tháng	4.16%	1.08%	1.94%	3.98%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,290.67	245.58	99.56
% 1D	0.24%	0.24%	0.71%
GTGD (tỷ VND)	19,418	1,622	1,259
%1D	26.85%	20.28%	-4.39%
GDNN (tỷ VND)	-1104.64	-162.49	-58.07

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FRT	44.82	FPT	-172.00
STB	39.47	HPG	-118.25
GVR	30.82	VNM	-100.06
HAH	23.27	VCB	-92.60
PNJ	20.06	SSI	-83.68

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,347	-0.11%	1.32%
FTSE100	8,215	-0.37%	-0.58%
Eurostoxx	4,993	-1.27%	-0.19%
Shanghai	3,051	0.08%	-1.15%
Nikkei	39,055	1.02%	0.29%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	79.76	0.18%
Giá vàng	2,308	0.13%

Tỷ giá

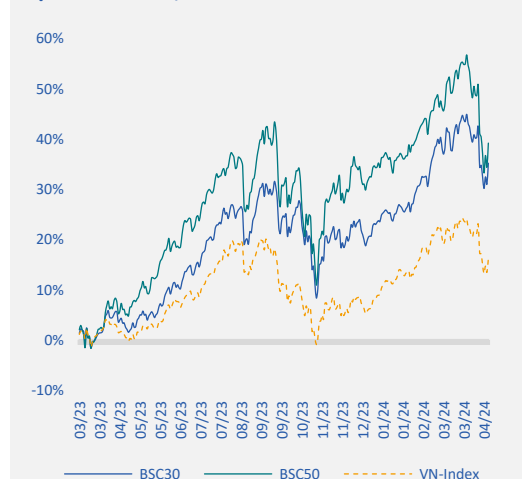
USD/VND	25,453	
EUR/VND	28,426	-0.09%
JPY/VND	168	0.60%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%	-0.06%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



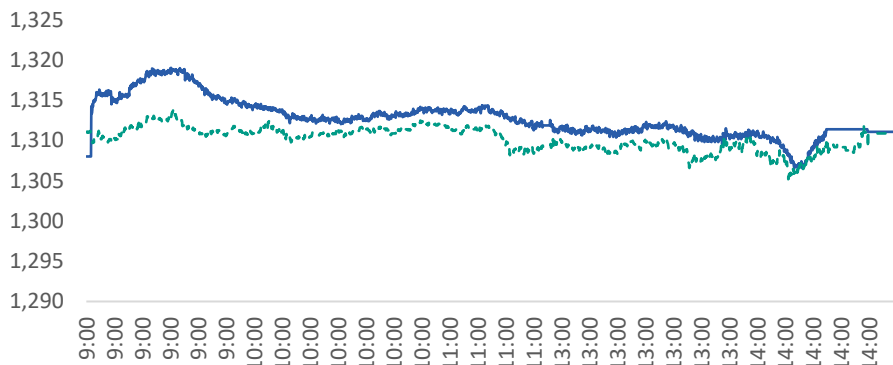
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1312.6	0.37%	110	103.70%	9/19/2024	101
VN30F2412	1311	0.31%	23	-23.3%	12/19/2024	192
VN30F2407	1311.5	0.27%	929	-42.05%	7/18/2024	38
VN30F2406	1310.9	0.22%	170460	-25.35%	6/20/2024	10

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +3.07 điểm, đóng cửa tại 1311.1 điểm. Biên độ dao động 12.53 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, STB, MBB, CTG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 gặp áp lực bán tuy nhiên chỉ số bật lên được những phút cuối phiên. Thanh khoản thị trường dưới ngưỡng MA20 cho thấy tâm lý thận trọng bao trùm thị trường phiên cuối tuần. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2409, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2407,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2318	7/15/2024	35	2,300	-61.79%	9.90	5,640	6.2%	16.77	55.02	144.00	144.00
CFPT2317	11/21/2024	164	1,022,600	-61.22%	10.10	3,050	5.5%	8.94	55.85	144.00	144.00
CMWG2318	7/22/2024	42	647,500	-60.19%	4.20	3,480	5.1%	9.80	25.08	63.00	63.00
CFPT2313	8/9/2024	60	98,800	-61.25%	10.00	4,580	4.3%	13.41	55.80	144.00	144.00
CFPT2314	1/9/2025	213	524,400	-57.57%	10.00	5,110	4.3%	13.43	61.10	144.00	144.00
CFPT2316	7/22/2024	42	60,700	-50.90%	8.20	6,250	4.0%	13.58	70.70	144.00	144.00
CFPT2310	8/5/2024	56	4,200	-52.51%	8.45	7,580	3.8%	17.15	68.39	144.00	144.00
CMWG2316	8/23/2024	74	174,200	-66.57%	4.80	2,710	1.9%	9.71	21.06	63.00	63.00
CMWG2314	1/9/2025	213	1,402,600	-65.71%	5.20	1,640	1.9%	5.79	21.60	63.00	63.00
CTCB2312	7/15/2024	35	1,300	-57.78%	3.16	6,010	1.3%	15.73	20.65	48.90	48.90
CMBB2318	9/23/2024	105	30,100	-65.96%	1.76	1,520	1.3%	5.34	7.71	22.65	22.65
CHPG2342	11/21/2024	164	149,400	-63.08%	2.18	950	0.0%	2.99	10.82	29.30	29.30
CACB2304	9/25/2024	107	47,800	-68.01%	1.93	2,330	-0.4%	8.92	7.80	24.40	24.40
CTCB2307	8/5/2024	56	13,500	-60.18%	3.30	4,170	-1.0%	11.76	19.47	48.90	48.90
CTCB2309	9/25/2024	107	476,100	-61.76%	3.39	5,260	-1.3%	15.66	18.70	48.90	48.90
CVIB2306	8/23/2024	74	34,900	-63.16%	1.61	3,550	-1.4%	11.10	8.31	22.55	22.55
CTCB2310	10/9/2024	121	1,011,300	-60.06%	3.39	2,080	-1.4%	5.87	19.53	48.90	48.90
CPDR2305	6/26/2024	16	491,900	-64.08%	1.83	2,030	-1.5%	6.55	9.16	25.50	25.50
CACB2306	7/22/2024	42	632,200	-68.15%	1.85	2,350	-2.1%	8.95	7.77	24.40	24.40
CTCB2401	6/19/2024	9	700	-63.91%	3.30	7,400	-6.3%	23.51	17.65	48.90	48.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2316 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CFPT2317 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.77%.
- CFPT2316, CFPT2310, CFPT2314, CTCB2312, và CTCB2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CFPT2310, CFPT2318, CTCB2312, và CTCB2309 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	144.00	1.41%	2.16
MWG	63.00	1.45%	1.05
STB	31.10	1.14%	0.66
MBB	22.65	0.89%	0.57
CTG	33.50	2.13%	0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	144.00	-0.81%	-0.68
VNM	63.00	-0.88%	-0.49
TCB	31.10	-0.41%	-0.45
MSN	22.65	-0.64%	-0.35
VCB	33.50	-0.56%	-0.30

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	36.20	3.43%	1.21	4.00
CTG	33.50	2.13%	0.94	5.37
FPT	144.00	1.41%	0.63	1.27
MWG	63.00	1.45%	0.33	1.46
GMD	86.90	4.20%	0.28	0.31

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	14.40	4.35%	0.31	0.68
IDC	62.50	1.30%	0.19	0.33
CDN	33.50	5.68%	0.14	0.10
MBS	33.60	1.20%	0.13	0.44
PVI	59.10	1.03%	0.10	0.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SFC	20.00	7.00%	0.00	0.01
VDS	25.00	7.00%	0.10	3.21
TNI	2.72	6.99%	0.00	1.49
DPR	42.95	6.98%	0.07	2.36
OGC	6.30	6.98%	0.03	1.65

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	6.80	-8.82%	-0.02	0.10
KMT	8.80	0.00%	0.00	0.00
CAN	43.30	0.00%	0.00	0.00
SSM	6.70	0.00%	0.00	0.00
EBS	11.70	-4.27%	-0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	88.00	-0.56%	-0.67	5.59
BCM	63.30	-2.01%	-0.32	1.04
VNM	67.20	-0.88%	-0.30	2.09
ACB	24.40	-0.81%	-0.22	4.47
LGC	55.40	-6.73%	-0.18	0.19

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	12.30	-1.60%	-0.13	0.90
VCS	78.30	-0.89%	-0.08	0.16
KSV	34.80	-1.42%	-0.07	0.20
HUT	18.70	-0.53%	-0.06	0.89
PTI	33.50	-2.33%	-0.05	0.08

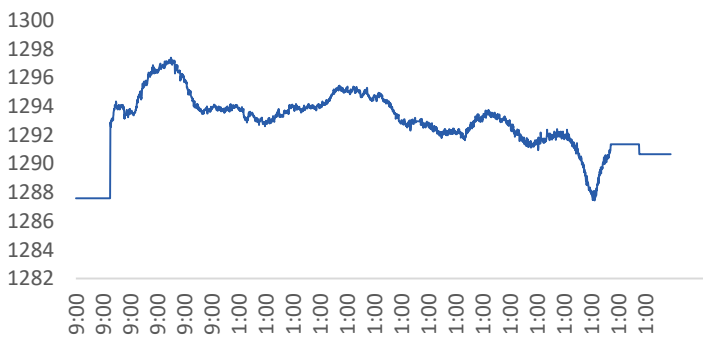
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTE	9.86	-7.00%	0.00	0.00
L10	21.00	-6.90%	0.00	0.00
LGC	59.40	-6.73%	-0.18	0.00
QBS	1.24	-3.54%	0.00	0.00
PGI	24.95	-3.41%	-0.02	0.00

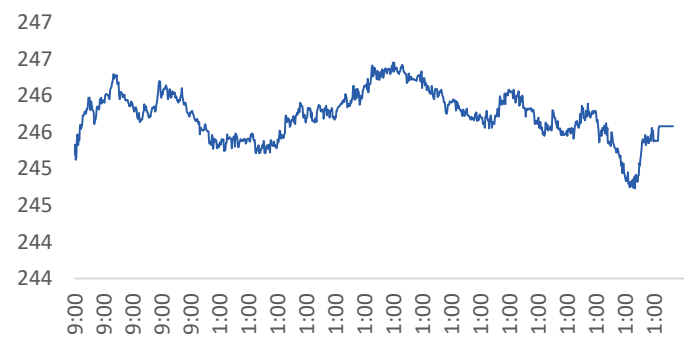
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DPC	10.20	-12.97%	-0.01	0.00
HMR	39.90	-9.77%	-0.07	0.05
QTC	14.50	-9.66%	-0.01	0.00
HKT	7.80	-8.97%	-0.01	0.01
CTP	6.80	-8.82%	-0.02	0.10

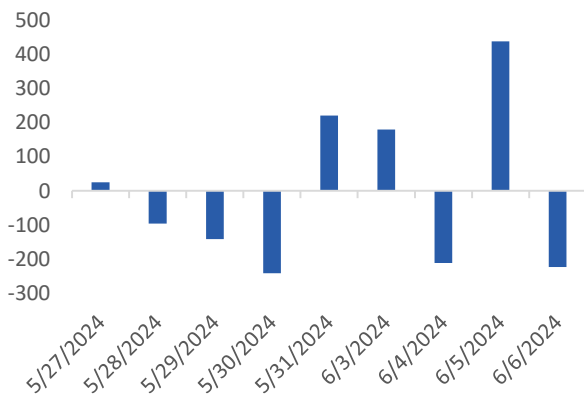
Hình 1
HSX-Index Intraday



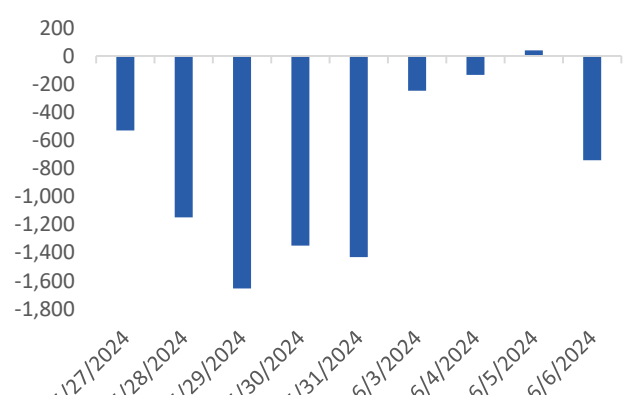
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	88.0	-0.60%	0.6	19,348	9.1	5,838	15.1	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	47.6	-0.20%	1.0	10,686	3.9	3,841	12.4	-	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.0	0.30%	1.0	5,634	7.5	1,397	12.9	-	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	48.9	-0.40%	1.1	6,776	16.6	5,600	8.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.6	0.90%	1.0	4,711	11.9	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	31.1	1.10%	1.0	2,306	18.3	4,206	7.4	-	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.5	2.10%	1.2	7,077	17.5	3,751	8.9	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	-0.80%	0.8	4,287	7.4	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.4	-0.30%	1.2	2,099	18.5	1,704	20.8	-	43.2%	Link
IDC	Xây dựng	62.5	1.30%	1.2	811	4.9	5,880	10.6	65,700	17.6%	Link
HPG	VLXD	29.3	0.00%	1.2	7,372	23.4	1,601	18.3	41,500	24.5%	Link
HSG	VLXD	24.0	2.10%	1.7	582	16.5	1,423	16.9	-	22.1%	Link
VHM	BĐS	38.9	-0.30%	1.1	6,663	9.7	5,074	7.7	108,300	22.4%	Link
KDH	BĐS	37.3	0.00%	1.4	1,173	3.7	726	51.4	44,500	38.0%	Link
NLG	BĐS	42.8	0.40%	1.5	648	3.8	1,040	41.2	-	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	121.5	-0.20%	1.4	1,815	7.3	7,845	15.5	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	38.8	-0.90%	1.3	807	5.5	2,313	16.8	46,100	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	80.3	0.00%	0.6	7,255	3.5	4,688	17.1	-	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	44.1	0.50%	1.0	829	7.6	1,992	22.1	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.8	0.30%	1.2	695	6.2	1,200	26.5	38,400	23.3%	Link
POW	Dầu khí	13.6	-2.20%	0.8	1,258	9.1	350	39.0	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.0	3.00%	1.2	671	7.2	3,774	20.1	108,500	32.2%	Link
GMD	Logistics	86.9	4.20%	0.9	1,061	12.9	8,430	10.3	90,400	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	67.2	-0.90%	0.7	5,525	12.1	4,408	15.2	93,100	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	77.1	-0.60%	1.3	4,566	16.1	215	358.0	-	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	63.0	1.40%	1.4	3,624	12.0	717	87.8	-	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.6	0.00%	1.0	1,245	2.6	5,860	16.1	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.4	-0.20%	1.8	423	4.1	2,200	29.3	66,600	23.4%	Link
FPT	Bán lẻ	144.0	1.40%	1.0	7,194	21.4	5,335	27.0	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	132.5	-0.90%	1.2	596	2.3	4,582	28.9	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.9	0.80%	0.9	2,738	4.9	3,809	6.3	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.6	0.70%	1.2	2,250	4.7	3,315	6.8	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.4	1.40%	1.2	1,589	9.5	2,050	9.0	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.9	0.70%	1.2	1,172	4.1	2,310	6.4	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.6	-1.30%	1.0	1,339	5.9	1,147	17.0	1.5	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.0	1.00%	1.6	803	5.4	1,175	24.7	2.4	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.6	0.50%	1.8	836	7.3	1,409	34.5	2.6	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	17.8	-0.30%	1.5	1,069	7.8	2,057	8.7	1.3	22.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	58.7	0.70%	1.7	468	1.3	2,208	26.6	2.5	40.4%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.7	0.50%	1.7	598	11.2	1,076	17.4	1.4	13.2%	5.7%
CTD	Xây dựng	74.4	2.50%	1.2	292	5.4	2,709	27.5	0.9	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.4	-1.50%	1.5	216	3.4	833	16.0	0.6	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-0.80%	1.6	92	1.2	655	18.4	0.9	2.1%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.4	0.70%	1.1	301	2.3	1,514	28.0	2.6	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	98.0	1.00%	1.3	701	2.1	5,701	17.2	4.2	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	64.0	2.90%	1.1	341	1.9	3,448	18.6	2.2	15.8%	18.3%
DIG	BĐS	27.8	0.50%	1.9	667	11.4	(38)	-724.2	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS	18.5	-0.50%	1.3	375	2.6	312	59.3	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.7	0.30%	1.6	957	6.0	1,262	25.1	1.2	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	55.5	1.30%	1.2	979	1.2	2,746	20.2	2.6	5.4%	12.5%
GVR	BĐS KCN	36.2	3.40%	1.5	5,696	8.8	628	57.7	2.6	0.3%	6.2%
NKG	VLXD	26.5	3.10%	1.6	274	10.0	1,222	21.7	1.3	16.0%	2.3%
BMP	Vật liệu	108.8	-0.20%	0.9	350	0.6	11,594	9.4	3.1	85.9%	39.1%
IJC	Hạ tầng	16.2	-0.60%	1.5	241	3.4	865	18.7	1.4	5.9%	10.3%
DXG	BĐS	16.6	-0.60%	1.9	471	3.9	420	39.5	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.1	-0.50%	1.3	1,976	5.1	1,966	11.2	1.3	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.5	-0.40%	1.7	876	6.1	964	26.4	2.0	7.4%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.8	0.50%	1.9	667	11.4	(38)	-724.2	2.2	5.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.7	-0.50%	1.4	657	1.8	73	255.9	1.5	1.6%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.2	0.00%	1.4	-	0.3	433	23.5	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	70.7	-0.10%	1.6	123	1.2	4,370	16.2	2.1	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	42.3	-3.60%	1.1	134	0.6	3,461	12.2	1.8	35.8%	17.2%
DRC	Cao su	35.4	0.70%	0.8	165	2.5	2,286	15.5	2.2	13.6%	13.2%
PC1	Điện	29.2	1.20%	1.3	357	5.0	651	44.9	1.2	8.5%	4.1%
HDG	BĐS	34.7	1.80%	1.3	417	11.6	2,061	16.8	1.4	22.8%	12.9%
GEX	Điện	23.9	0.00%	1.8	801	7.7	625	38.3	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Điện	16.7	-0.60%	0.6	-	0.3	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	42.0	1.10%	0.9	2,097	2.5	2,570	16.3	1.8	17.1%	10.7%
BSR	O&G	23.4	-1.30%	1.1	-	5.5	2,588	9.0	1.3	0.8%	15.6%
PLC	O&G	29.0	0.30%	1.5	92	0.4	1,112	26.1	1.8	1.2%	8.4%
ANV	Thủy sản	35.5	2.20%	1.4	186	5.1	(252)	-140.6	1.6	3.0%	1.5%
PTB	Gỗ	74.0	1.40%	0.7	195	1.0	4,765	15.5	1.8	20.9%	10.6%
VSC	Logistics	23.7	4.40%	1.5	249	21.1	532	44.5	1.9	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	47.3	6.90%	1.4	196	20.7	3,081	15.4	1.5	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	78.5	-1.00%	1.4	376	3.3	2,980	26.3	5.9	9.4%	25.6%
DBC	Logistics	36.0	1.80%	1.7	343	10.4	1,729	20.8	1.8	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	172.5	1.50%	0.8	924	5.4	(2,548)	-67.7	11.5	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.7	0.60%	0.7	-	1.4	6,737	7.5	2.1	15.5%	27.3%
TNG	Dệt may	27.2	3.00%	1.2	122	7.0	1,981	13.7	1.7	18.6%	12.5%
PVT	O&G	32.3	5.60%	0.9	452	11.0	3,150	10.3	1.1	12.3%	14.3%
DPM	Phân bón	38.8	-0.40%	1.3	597	6.1	1,372	28.3	1.3	10.0%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639